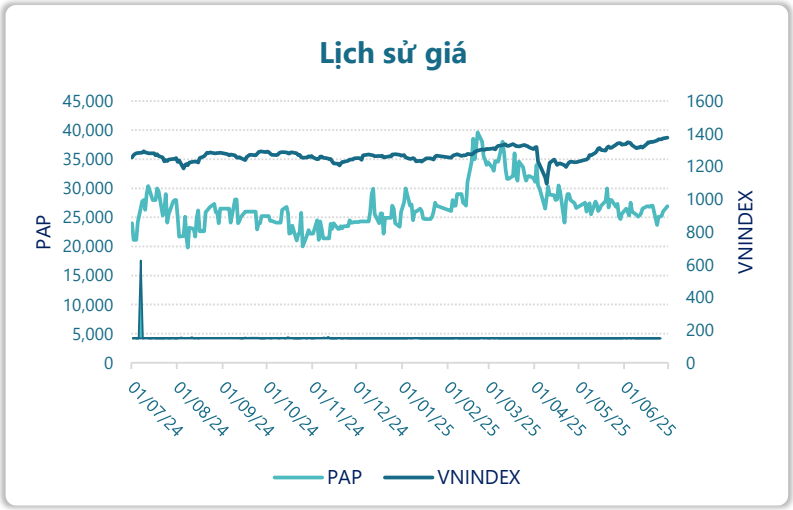
FireAnt

CTCP Dầu khí Đầu tư khai thác cảng Phước An (UPCOM: PAP)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**26,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,800
SL cổ phiếu LH	232,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	67,445
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,241
P/E	-23.9
EPS	-1,128

DT thuần

Q2/25

15.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.60| 11.7%

YoY: ▲ 15.3|

LN sau thuế

Q2/25

-125

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.00| -1.7%

YoY: ▼123| -6417%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-10.8%

#VALUE!

DT thuần

6T 2025

29.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 29.0|

LN sau thuế

6T 2025

-248

tỷ VNĐ

YoY: ▼245| -7145%

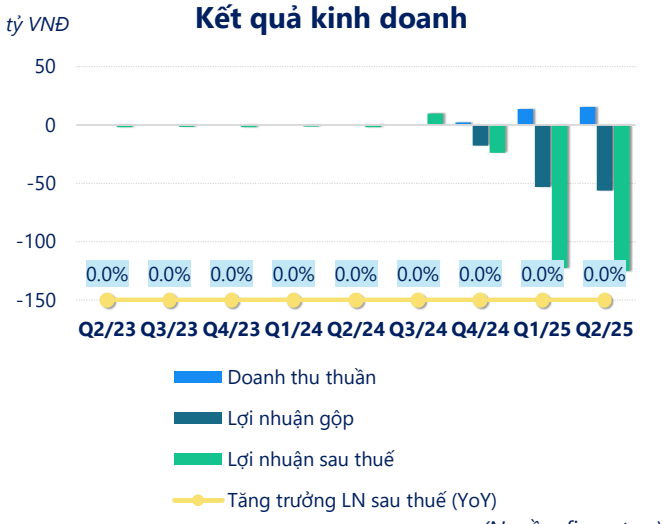
ROE

Q2/25

-12.2%

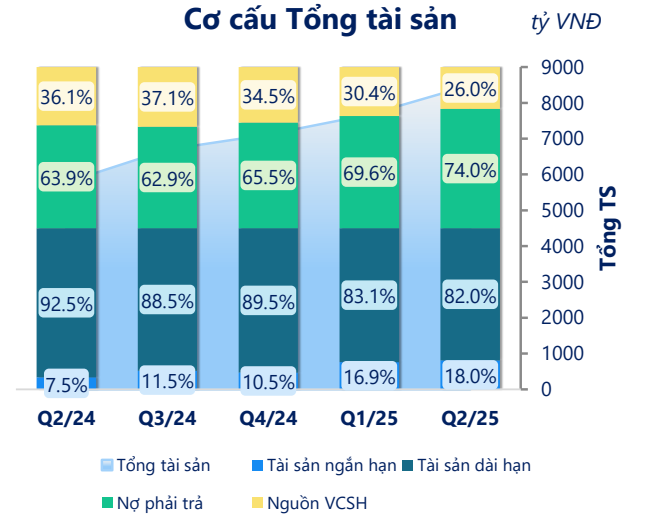
+/- YoY: ▼ 11.9%

Kết quả kinh doanh



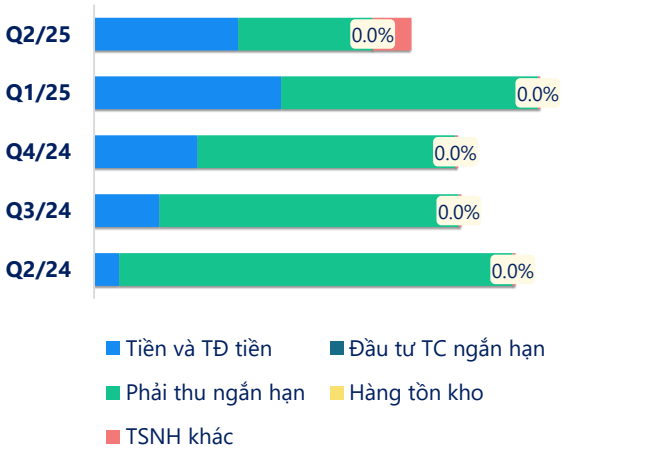
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



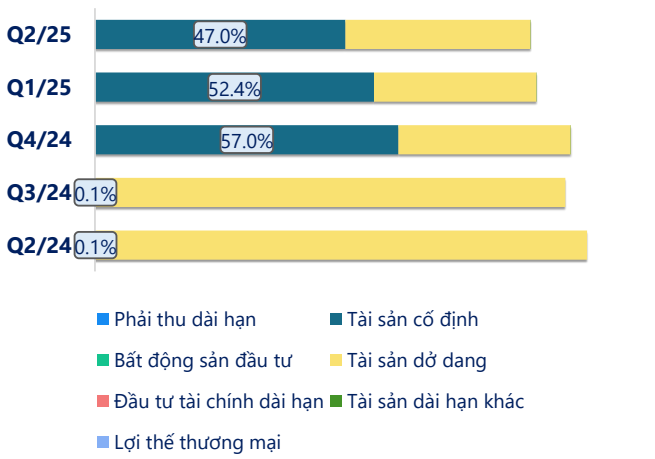
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



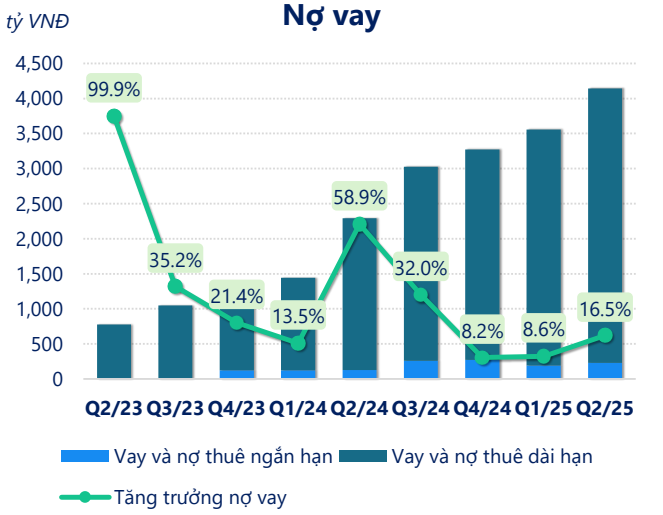
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



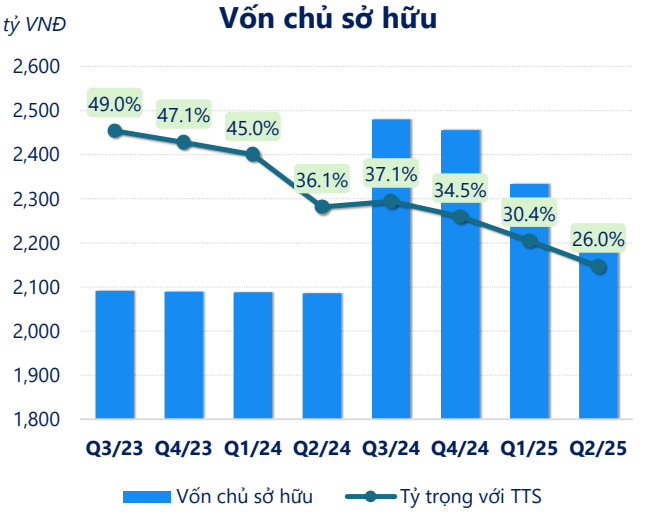
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



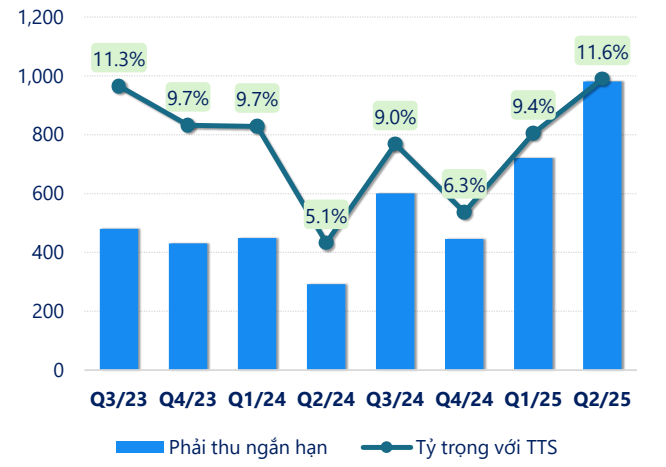
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



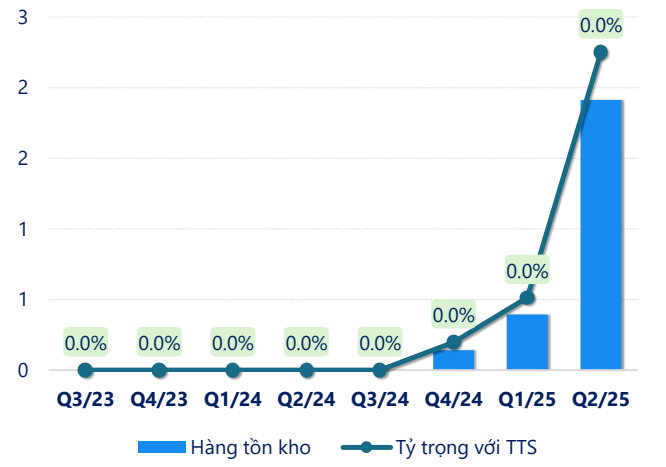
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



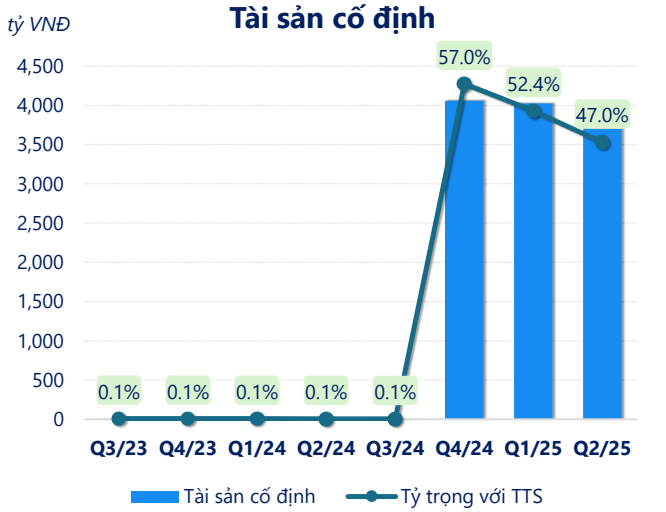
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



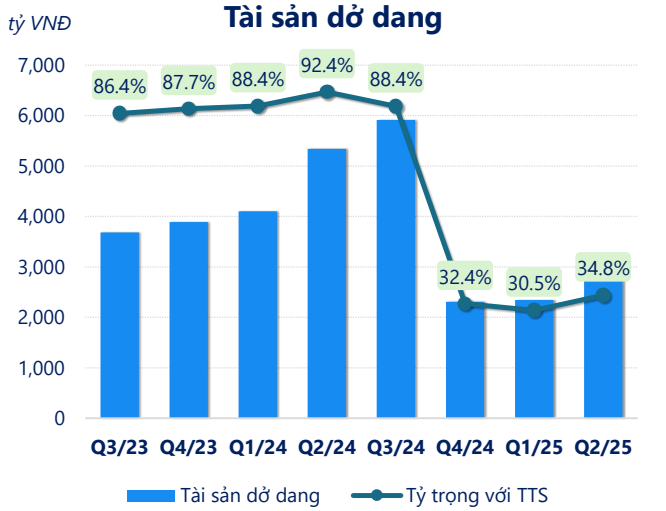
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



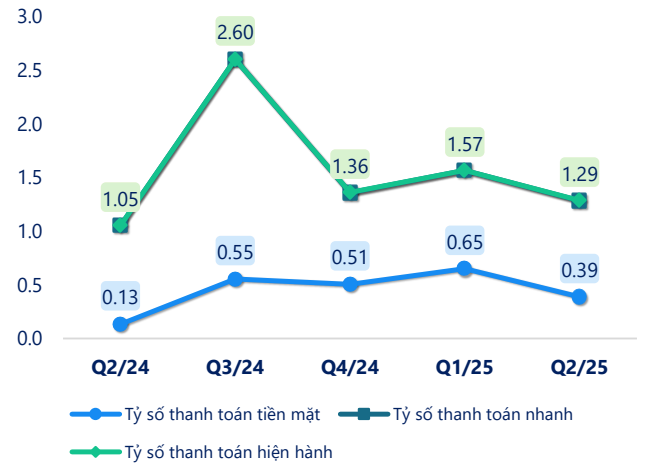
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



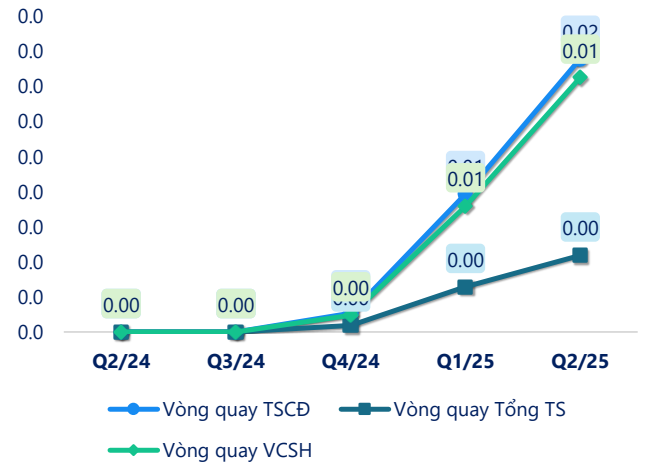
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**5,779**	**6,692**	**7,121**	**7,677**	**8,491**
Tài sản ngắn hạn	**431**	**771**	**744**	**1,300**	**1,530**
Tiền và tương đương tiền	54.5	164	277	540	461
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	292	600	446	721	981
Hàng tồn kho	0	0	0.14	0.39	1.91
Tài sản ngắn hạn khác	84.2	6.57	21.8	38.8	85.9
Tài sản dài hạn	**5,348**	**5,921**	**6,377**	**6,378**	**6,962**
Phải thu dài hạn	3.88	3.88	3.88	3.88	3.94
Tài sản cố định	4.59	4.46	4,059	4,024	3,993
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	5,340	5,913	2,309	2,345	2,958
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	4.16	4.13	7.15
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,693**	**4,212**	**4,665**	**5,344**	**6,283**
Nợ ngắn hạn	**409**	**296**	**547**	**830**	**1,190**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	126	259	273	191	228
Phải trả người bán ngắn hạn	258	5.45	12.4	10.9	47.1
Nợ dài hạn	3,284	3,916	4,118	4,514	5,094
Vay và nợ thuê dài hạn	2,166	2,767	3,000	3,365	3,915
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,086**	**2,480**	**2,456**	**2,333**	**2,208**
Vốn chủ sở hữu	**2,086**	**2,480**	**2,456**	**2,333**	**2,208**
Vốn điều lệ	2,000	2,320	2,320	2,320	2,320
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)